

UNIT 5: WHAT DO WE EAT AT DIFFERENT TIME OF THE DAY?

Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh được học về sự biểu diễn và ý nghĩa của số 19.

II. Key vocabulary:



One
(Số một)



Two
(Số hai)



Three
(Số ba)



Four
(Số bốn)





Five
(Số năm)



Six
(Số sáu)



Seven
(Số bảy)



Eight
(Số tám)



Nine
(Số chín)



Ten
(Số mười)





Eleven

(Số mười một)



Twelve

(Số mười hai)



Thirteen

(Số mười ba)



Fourteen

(Số mười bốn)



Fifteen

(Số mười lăm)



Sixteen

(Số mười sáu)





Seventeen
(Số mười bảy)



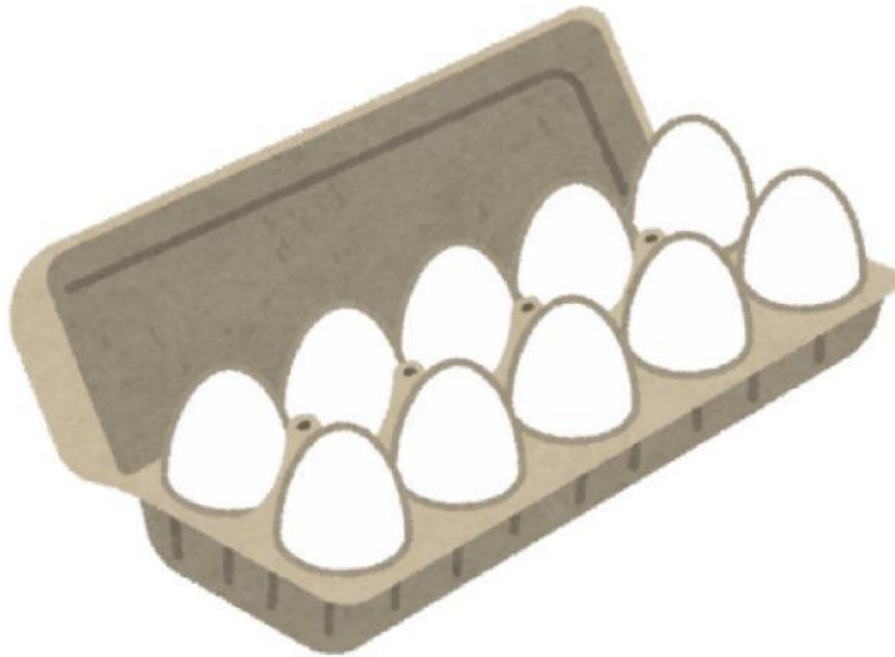
Eighteen
(Số mười tám)



Nineteen
(Số mười chín)



III. Key language:



**How many (eggs) are there?
Let's count.**

